

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN ẤN QUẢNG CÁO DATUCO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN IN ẤN QUẢNG CÁO DATUCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108964627

**3. Ngày thành lập:** 29/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12 hẻm 358/25/1 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946.425.885

Fax:

Email: [datucoprinting@gmail.com](mailto:datucoprinting@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 2.  | In ấn<br>(trừ các loại Nhà nước cấm và không bao gồm hoạt động xuất bản)<br>Chi tiết:<br>- In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác;<br>- In sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác;<br>- In nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác;<br>- In đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in bản thạch và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy vi tính, in chạm nổi;<br>- In tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác (trừ rập khuôn tem);<br>- In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm. | 1811(Chính) |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Hoạt động tổ chức triển lãm, sự kiện, hội chợ, giới thiệu, hội nghị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.<br>(Điều 23 Nghị định 72/2013/NĐ-CP, Khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) | 6312 |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                             | 1812 |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 Luật thương mại 2005)                | 8299 |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê                                                                              | 6311 |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                               | 7320 |
| 10. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>Trừ thiết bị thu phát sóng                                                                                                                         | 2630 |
| 11. | Lập trình máy vi tính<br>Lập trình máy vi tính                                                                                                                                       | 6201 |
| 12. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                        | 6399 |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                                                                                                      | 4610 |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                  | 4651 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                   | 4652 |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4741 |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4761 |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Trừ đấu giá bán lẻ qua internet                                                                                           | 4791 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                       | 7410 |
| 20. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                       | 7911 |
| 21. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                | 7912 |
| 22. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>(trừ hợp báo)                                                                                 | 7990 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>(Điều 7, Điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014)                                                                                         | 4932 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>- Trừ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>(Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014)                                                          | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>(Điều 4, Điều 6<br>Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014)                                                                                                                  | 4931 |
| 26. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                       | 7721 |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                  | 5510 |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                            | 5621 |
| 29. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)                                                                                                                                                                                      | 5629 |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)                                                                                                                                                                                   | 5630 |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                      | 7730 |
| 32. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4513 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics (Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ logistics)<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu | 5229 |
| 34. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                         | 4512 |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                    | 5610 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG THỊ THÚY | Xóm Chùa, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông         | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    | 001187001544                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Tổng số                   | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ VĂN CƯỜNG  | Số 12 hẻm 358/25/1 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    | 001092009771                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     | Tổng số                   | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                          |                           |        |             |        |              |
|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | ĐẶNG THỊ HÀ | Xóm Chùa – Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 | 001195001214 |
|   |             |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                          | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 |              |
|   |             |                                                                          |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187001544

Ngày cấp: 31/07/2014

Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1105B Chung cư Đại Kim Building, phố Trần Hòa, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội